

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Quang H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số D, khóm A, phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long (nay là phường L, tỉnh Vinh Long)

- Bị đơn: Bà Phan Thanh T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A, khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long (nay là phường L, tỉnh Vinh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, ông Phùng Quang H trình bày:

Ông H và bà Phan Thanh T tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 29/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng hơn một năm nay, bà T không cùng ông H khắc phục khó khăn, đã dọn

ra ở trọ, ông H nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với bà Phan Thanh T.

Con chung: Ông H, bà T có 02 con chung tên Phùng Đình P, sinh ngày 24/10/2016; Phùng Đình Q, sinh ngày 11/01/2018 đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Phan Thanh T: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H là người có quyền khởi kiện bà T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố V. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông H, bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V vào ngày 09/6/2015. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo nguyên đơn xác định do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Bà T không cùng ông H khắc phục khó khăn, dọn ra ở trọ hơn 01 năm. Vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu ly hôn bà Phan Thanh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông H, bà T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông H muốn chung sống cùng bà T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn bà Phan Thanh T.

[3] ông H, bà T có 02 con chung tên Phùng Đình P, sinh ngày 24/10/2016; Phùng Đình Q, sinh ngày 11/01/2018 đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, bà T không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến không đồng ý ông H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2025, các cháu Phùng Đình P, Phùng Đình Q đều có nguyện vọng sống cùng với ông H do cha chăm sóc tốt và thuận tiện việc đi học của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà T giao ông H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phùng Đình P, Phùng Đình Q. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng các con chung nên bà T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung Phùng Đình P, Phùng Đình Q.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc ông H nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Quang H.

- Ông Phùng Quang H và bà Phan Thanh T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc bà Phan Thanh T giao ông Phùng Quang H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phùng Đình P, sinh ngày 24/10/2016; Phùng Đình Q, sinh ngày 11/01/2018. Bà Phan Thanh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung Phùng Đình P, Phùng Đình Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc ông Phùng Quang H nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0007689 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Phùng Quang H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án: 1;
- UBND phường L,
tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Dương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

